



BÁO CÁO KẾT QUẢ

DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

XÂY DỰNG MÔ HÌNH CANH TÁC LÚA GIẢM PHÁT THẢI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG NGUYÊN LIỆU LÚA GẠO XUẤT KHẨU CỦA ĐBSCL TẠI AN GIANG



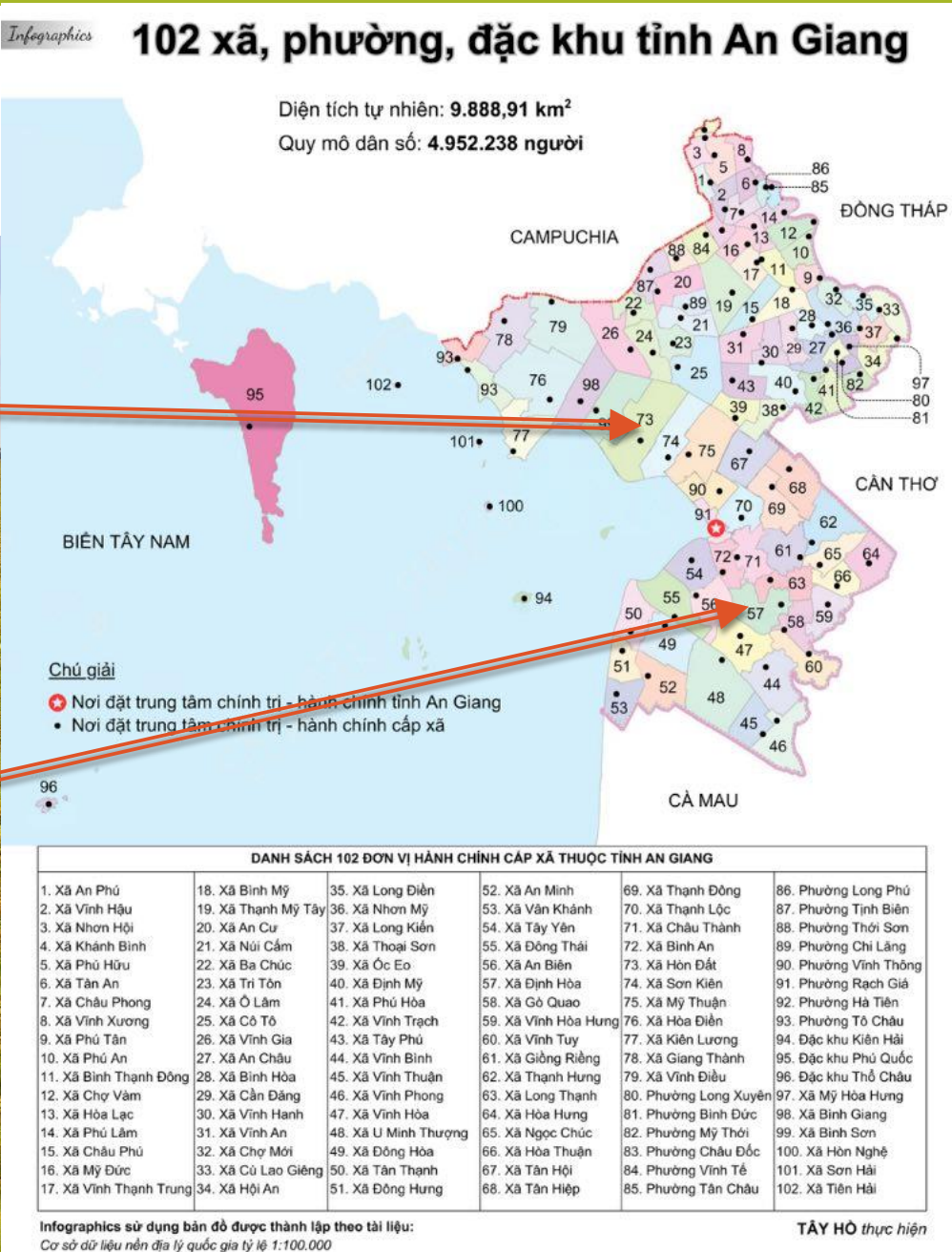
1. Thông tin chung



HTX
VINACAM

HTX
THANH
XUÂN

Diện tích sản xuất lúa 1.322.000 ha, sản lượng lúa toàn tỉnh bình quân hàng năm khoảng 8,4 triệu tấn diện tích và sản lượng lớn nhất cả nước



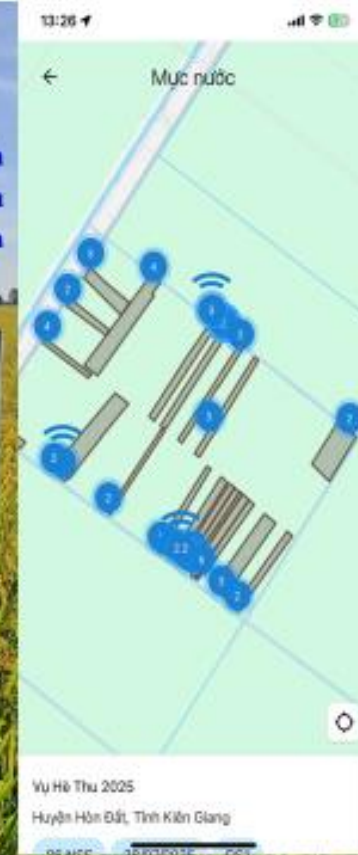


Tên HTX: Hợp Tác Xã Dịch vụ Nông Nghiệp Thanh Xuân

Diện tích sản xuất: 300 ha; Số thành viên: 132 thành viên; Mô hình thí điểm: 50 ha, số hộ: 11 hộ



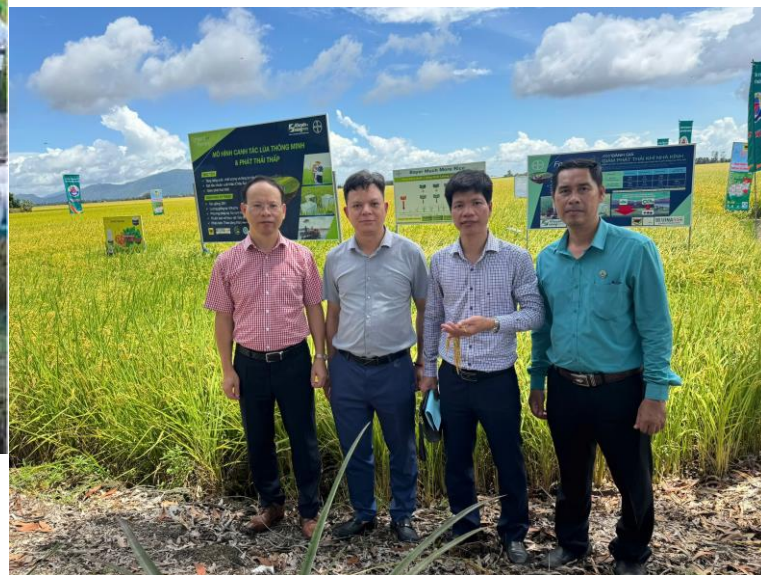
- Tên HTX: Hợp tác xã Nông nghiệp Vinacam Hòn Đất
- Địa chỉ: ấp Sơn An, xã Hòn Đất, Tỉnh An Giang.
- HTX thành lập năm 2000, với 450 ha, 104 thành viên, dịch vụ bơm tưới, xuống giống, canh tác tập trung, HTX thu mua lúa của thành viên, liên kết ổn định với tập đoàn Tân Long.

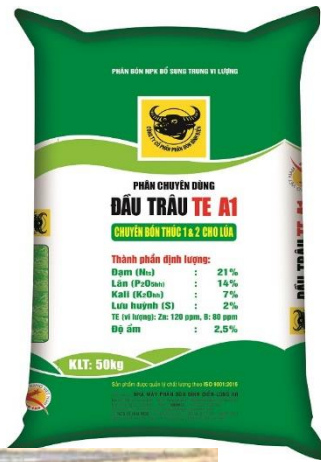
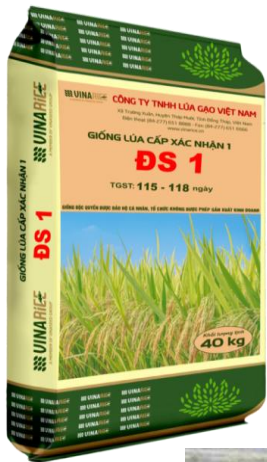




Đơn vị, đối tác tham gia mô hình

Đơn vị	Nội dung tham gia
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Quản lý dự án
Trung tâm Khuyến nông An Giang	Đơn vị thực hiện
Công ty CP phân bón Bình Điền	Chủ trì dự án
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (Vinarice)	Cung cấp và hỗ trợ lúa giống chất lượng cao phục vụ mô hình thí điểm
Công ty Bayer Việt Nam	Hướng dẫn quản lý dịch hại IPM, IPHM
Công ty TNHH MTV Cơ khí Nông nghiệp Phan Tấn	Trình diễn máy cuộn rơm, máy phun chế phẩm kết hợp cày vùi rơm rạ
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Kim Hồng	Cung cấp dịch vụ máy sạ cụm và trình diễn máy cắt lúa kết hợp băm rơm
Công ty Lúa GPT	Cung cấp thiết bị theo dõi mực nước theo quy trình ướn khô xen kẽ
Công ty CP Lương thực A An	Liên kết tiêu thụ lúa kiểm soát dư lượng
Đơn vị hướng dẫn MRV	Viện môi trường nông nghiệp



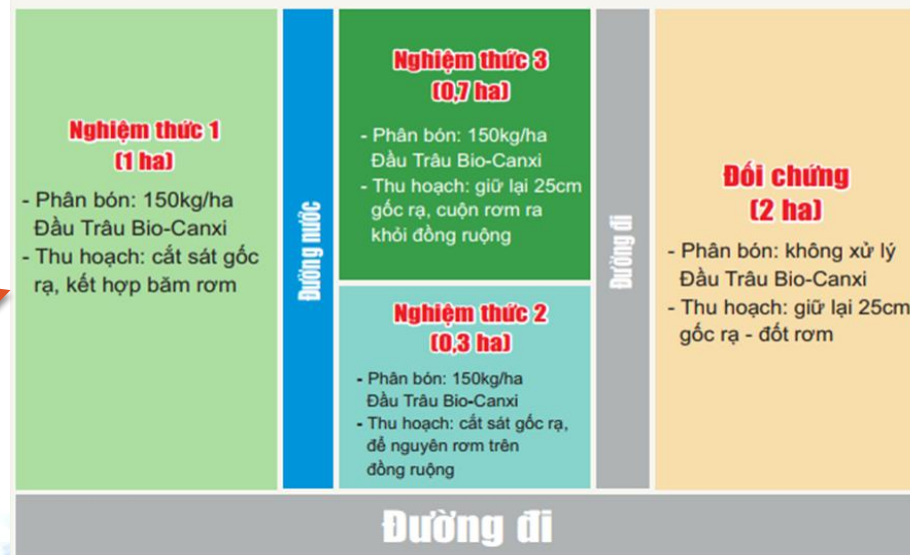




Thí nghiệm



SƠ ĐỒ BỘ TRÍ THÍ NGHIỆM



Kết quả thực hiện

- Tổ chức tập huấn tuyên truyền vượt 200% so với kế hoạch, hiệu quả truyền thông cao, lan tỏa lớn





Kết quả

Tổ chức tập
thông cao. l



n



Quản lý nước theo quy trình AWD thành công:



- + Giai đoạn 0-7 NSS: ruộng đủ ẩm.
- + **Giai đoạn 15-18NSS: xiết nước**
- + Giai đoạn 18-22NSS: đưa nước vào cây dậm.
- + **Giai đoạn 27- 40NSS: xiết nước**
- + **Giai đoạn 54-70NSS: xiết nước**
- + Giai đoạn 70 NSS đến trước khi thu hoạch: mặt ruộng khô.

Hình : Ống cảm biến AWD đặt tại HTX Dịch vụ Nông Nghiệp Thanh Xuân



10 Th6, 2025 10:11:30
9,8115N 105,2440E

Dự án Khuyến nông Trung ương điểm HTX Thanh Xuân - Gò Quao

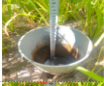
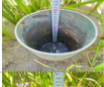


Altitude: 5.4m
Speed: 0.0km/h
Mô hình KNOG Bình Điền
Index number: 5

03 lần rút nước thành công

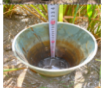
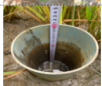
SỐ LIỆU RÚT NƯỚC LẦN 1

AWD DATA_THANH XUAN
COOP_AN GIANG

1st Drying Event						
#. Pipe	Farmer Name	Collected Data	Water level (- cm)	Result	Reason	Pictures
P1	Tran Van Lanh	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P2	Thi Soc Kha	June 16, 2025	-16	PASSED	The picture is clear enough	
P3	Danh Toan	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P4	Danh Trong Phu	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P5	Pho Kim Chi	June 16, 2025	-16	PASSED	The picture is clear enough	
P6	Danh Thao	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P7	Duong Thi Nhiu	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P8	Tran Duy Khuong	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P9	Danh Vuot	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P10	Tran Tu Khiem	June 16, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	



SỐ LIỆU RÚT NƯỚC LẦN 2

		2nd Drying Event				
#. Pipe	Farmer Name	Collected Data	Water level (- cm)	Result	Reason	Pictures
P1	Tran Van Lanh	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P2	Thi Soc Kha	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P3	Danh Toan	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P4	Danh Trong Phu	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P5	Pho Kim Chi	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P6	Danh Thao	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P7	Duong Thi Nhieu	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P8	Tran Duy Khuong	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P9	Danh Vuot	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P10	Tran Tu Khiem	July 5, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	

AWD DATA_THANH XUAN
COOP_AN GIANG



SỐ LIỆU RÚT NƯỚC LẦN 3

AWD DATA_THANH XUAN
COOP_AN GIANG

3rd Drying Event						
#. Pipe	Farmer Name	Collected Data	Water level (- cm)	Result	Reason	Pictures
P1	Tran Van Lanh	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P2	Thi Soc Kha	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P3	Danh Toan	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P4	Danh Trong Phu	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P5	Pho Kim Chi	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P6	Danh Thao	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P7	Duong Thi Nieu	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P8	Tran Duy Khuong	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P9	Danh Vuot	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	
P10	Tran Tu Khiem	August 4, 2025	-15	PASSED	The picture is clear enough	





- Giai đoạn từ 7-10 NSS: giữ mặt ruộng đủ ẩm.
- Giai đoạn 12 NSS: đưa nước vào ruộng để bón phân lần 1 và giữ nước để ém cỏ đến 20 ngày.
- Giai đoạn 21 - 24 NSS: bón phân lần 2
- **Giai đoạn 28 - 38 NSS: rút nước.**
- Giai đoạn 39 - 40 NSS: đưa nước vào ruộng để bón phân lần 3
- **Giai đoạn 45 - 55 NSS: rút nước**
- Giai đoạn 56 - 60 NSS: đưa nước vào ruộng để bón phân lần 4
- **Giai đoạn 65 - 72 NSS: để ruộng khô tự nhiên**
- Giai đoạn 73 - 80 NSS: giữ ruộng đủ nước
- Giai đoạn 81 - 85 NSS: để ruộng khô tự nhiên
- Giai đoạn 105 - thu hoạch: Rút nước để thu hoạch



Giám sát, ghi hình, đánh giá đầy đủ



Vụ Hè Thu 2025

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang

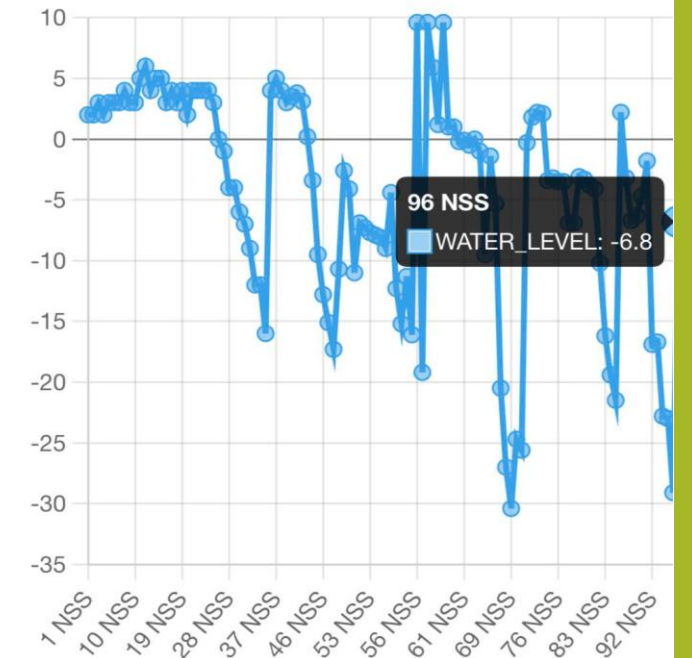
97 NSS

08/08/2025

DS1

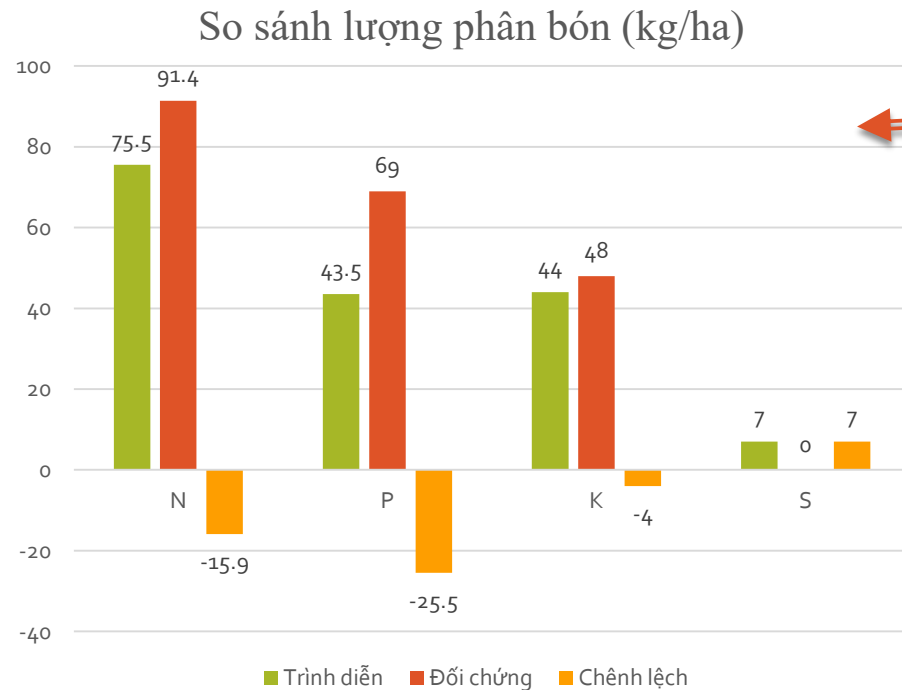
Mức nước
(cm)
0

Biểu đồ Mức nước đến ngày thứ 97 sau s



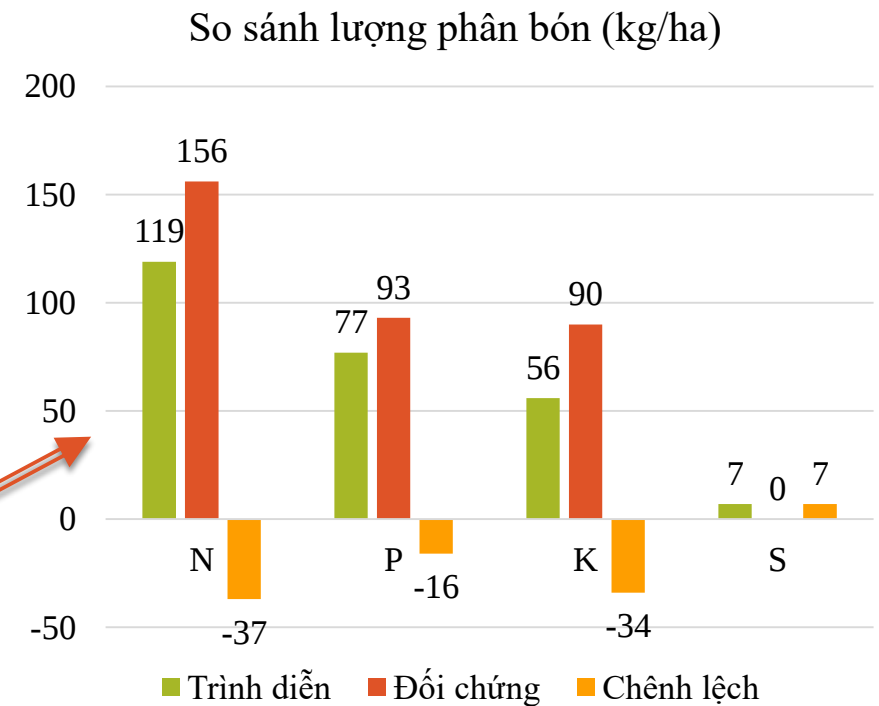
Kết quả thực hiện

Phân bón giảm so với quy trình khuyến cáo trên 30%



Thanh
xuan

Vinacam



Chỉ tiêu nông học theo dõi, ghi nhận, báo cáo đánh giá bài bản khoa học





Chỉ tiêu nông học







Kết quả thí nghiệm

TT	Nghiệm thức	Mô tả
1	NT1	Thu hoạch sát gốc rạ, băm nhỏ rơm rạ để lại trên ruộng, bón 150 kg/ha Dầu Trâu Bio – Canxi
2	NT2	Thu hoạch sát gốc rạ, giữ nguyên rơm phủ mặt ruộng, bón 150 kg/ha Dầu Trâu Bio – Canxi
3	NT3	Thu hoạch truyền thống (giữ lại 25 cm gốc rạ), cuộn rơm mang ra khỏi đồng, bón 150 kg/ha Dầu Trâu Bio – Canxi
4	ĐC	Thu hoạch truyền thống, giữ lại 25 cm gốc rạ, đốt rơm rạ và không bón Dầu Trâu Bio – Canxi

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM





Cải thiện đặc tính đất

Code	pHe	CHC (%CHC)	Nts (%N)	P tổng số (%P ₂ O ₅)	Kts (%K ₂ O)
NT1	5,63	10,34	0,44	0,08	1,38
NT2	5,29	11,32	0,46	0,06	1,34
NT3	4,97	11,6	0,45	0,04	1,41
Đối chứng	<u>4,02</u>	9,88	0,34	0,02	1,27
Chênh lệch (Max)	<u>-1,61</u>	-1,72	-0,12	-0,06	-0,14
Chênh lệch (Min)	<u>-0,95</u>	-0,46	-0,10	-0,02	-0,07



Hiệu quả kinh tế

TT	Hạng mục	Nông dân mô hình	Nông dân trong HTX	Nông dân SX đại trà trong khu vực	Chênh lệch (ND Mô hình/ND HTX)	Chênh lệch (ND Mô hình/ND SX đại trà)	Tỷ lệ % (mô hình so với SX đại trà)
1	Năng suất (kg/ha)	9.24	8.96	8.76	0.28	0.48	5.19
2	Giá bán (đồng/kg)	7,000	6,700	6,700	300.00	300.00	4.29
3	Tổng chi (đồng)	27,137,250	28,662,000	31,882,000	-1,524,750.00	-4,744,750.00	-17.48
4	Tổng thu (đồng)	64,680,000	60,032,000	54,270,000	4,648,000.00	10,410,000.00	16.09
5	Lợi nhuận (đồng)	37,542,750	31,370,000	22,388,000	6,172,750.00	15,154,750.00	40.37
6	Giá thành (đồng/kg)	2,936,932	3,198,884	3,639,498	-261,952.11	-702,565.90	-23.92
7	Tỷ suất lợi nhuận (LN/TC) (%)	138	109	70	28.90	68.12	49.24

Năng suất

Kết quả các thành phần năng suất lúa giai đoạn 110 ngày sau khi sạ (110 NSS)

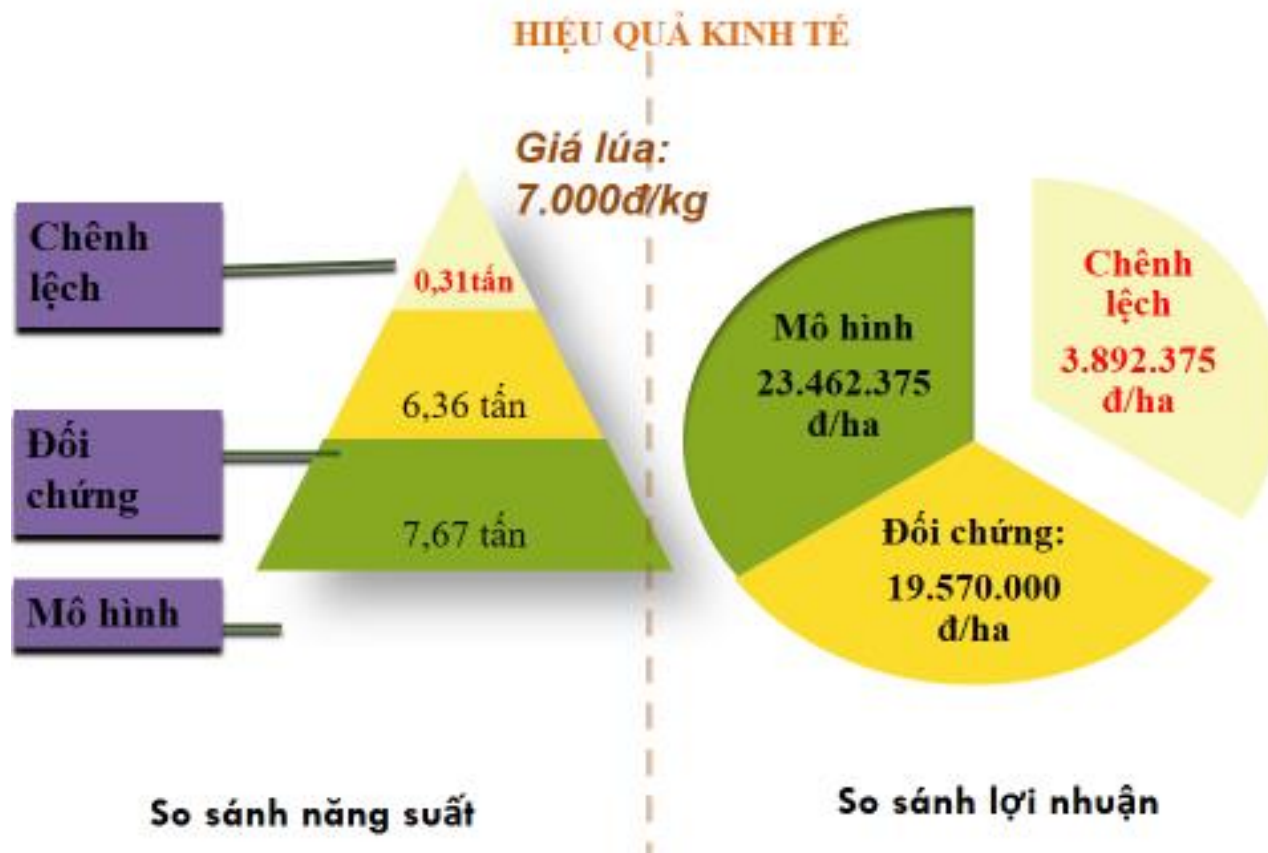


Nghiệm thức	Số bông/m ²	Số hạt/bông	Hạt chắc/bông	Hạt lép/bông	NS lý thuyết (tấn/ha)	NS cắt mẫu (tấn/ha)
NT1	452	102,8	89,4	13,4	11,22	9,16
NT2	440	99,6	90,6	9,0	10,72	9,00
NT3	432	97,4	91,6	5,8	10,41	8,84
ĐC	428	95,8	87,8	8,0	9,72	8,52
Chênh lệch MH-NT	(4-24)	(1,6 - 7)	1,6-3,8	(-2,2 - 4)	(0,68 - 1,49)	(0,32 - 0,64)





HTX Thanh xuân



Tính toán giảm phát thải

Mô hình đề án 1 triệu ha và Mô hình KNQG						
Mô hình	Diện tích (ha)	Phát thải cơ sở (tấn CO2td/ha)	Phát thải mô hình (tấn CO2td/ha)	Giảm phát thải (tấn CO2td/ha)	Tổng phát thải cơ sở theo Spot (tấn CO2td)	Tổng phát thải mô hình theo Spot (tấn CO2td)
Mô hình thí điểm	50	23,03	5,93	17,1	1,151.38	817.48
Ngoài Mô hình	50	23,03	16,36	6,68	1,151.38	296.54
Tổng					2,302.76	1,114.02
Trung bình Baseline (tấn CO2td/ha)					23,027	
Trung bình MH (tấn CO2td/ha)						11,140
Trung bình giảm phát thải (tấn CO2td/ha)				11,887		
Giảm PT (%)				48.38		

Mô hình đề án 1 triệu ha và Mô hình KNQG						
Mô hình	Diện tích (ha)	Phát thải cơ sở (tấn CO2td/ha)	Phát thải mô hình (tấn CO2td/ha)	Giảm phát thải (tấn CO2td/ha)	Tổng phát thải cơ sở theo Spot (tấn CO2td)	Tổng phát thải mô hình theo Spot (tấn CO2td)
Mô hình thí điểm	50	19.62	6.46	13.16	980.97	407.1
Ngoài Mô hình	50	19.62	8.14	11.48	980.97	323.1
Tổng					1,961.95	730.1
Trung bình Baseline (tấn CO2td/ha)					19,619	
Trung bình MH (tấn CO2td/ha)						7,301
Trung bình giảm phát thải (tấn CO2td/ha)				12,317		
Giảm PT (%)				37,22		



Appendix

GOLD STANDARD METHODOLOGY FOR METHANE EMISSION REDUCTION BY ADJUSTED WATER MANAGEMENT PRACTICE IN RICE CULTIVATION Section 3.8.14

	$EF_{BL,c}$	Baseline				Project scenarios	Project				Emission reduction factor (EF_{ER}) (kgCH ₄ /ha/day) or (kgCH ₄ /ha/season)
		$SF_{BL,w}$	$SF_{BL,p}$	$SF_{BL,o}$	Emission factor (EF_{BL})		$SF_{P,w}$	$SF_{P,p}$	$SF_{P,o}$	Emission factor (EF_P)	
For regions/ countries where double cropping is practiced	$EF_{BL,c}$	1.00	1.00	2.88	$EF_{BL,c} \times 2.88$	Scenario 1: change the water regime from continuously to intermittent flooded conditions (single drainage)	0.71	1.00	2.88	$EF_{BL,c} \times 2.04$	$EF_{BL,c} \times 0.84$
						Scenario 2: change the water regime from continuously to intermittent flooded conditions (multiple drainage)	0.55	1.00	2.88	$EF_{BL,c} \times 1.58$	$EF_{BL,c} \times 1.30$
For regions/ countries where single cropping is practiced	$EF_{BL,c}$	1.00	0.89	1.48	$EF_{BL,c} \times 1.32$	Scenario 1: change the water regime from continuously to intermittent flooded conditions (single drainage)	0.71	0.89	1.48	$EF_{BL,c} \times 0.94$	$EF_{BL,c} \times 0.38$
						Scenario 2: change the water regime from continuously to intermittent flooded conditions (multiple drainage)	0.55	0.89	1.48	$EF_{BL,c} \times 0.72$	$EF_{BL,c} \times 0.60$



Nếu loại trừ các yếu tố khác, chỉ tính giảm phát thải cho việc quản lý nước theo **Gold Standard** thì kết quả giảm phát thải tại HTX như sau:

`The total passed HA & equivalent ton CO ₂ ¹								
Drying Event	Passed HA	Under continuously flooded condition		Under applied AWD condition		Total emission under each pilot		Note
		CH ₄ Emission (kgCH ₄ /ha/season) ²	CO ₂ equivalent emission (tCO ₂ e/ha/season) ²	CH ₄ Emission (kgCH ₄ /ha/season) ³	CO ₂ equivalent emission (tCO ₂ e/ha/season) ³	CH ₄ REDUCING (kgCH ₄ /passed ha/season)*	CO ₂ REDUCING (tCO ₂ e/passed ha/season)*	
The 1st Drying Event	50	358.3872	9.6764544	253.8576	6.8541552	4852	131	
The 2nd Drying Event	50	358.3872	9.6764544	253.8576	6.8541552	7519	203	
Total	100					12370	334	

¹ Based on the GOLD STANDARD METHODOLOGY FOR CALCULATING METHANE EMISSION REDUCTION

$$ER_y = (EF_{er} \times A_y \times L_y \times 10^{-3} \times GWP_{CH_4}) \times (1 - U_d)$$

Như vậy 01 ha giảm tương đương 6,68 tCO₂qđ/ha

LIÊN KẾT TIÊU THỤ



MÔ HÌNH LIÊN KẾT HTX – DOANH NGHIỆP

DỰ ÁN

XÂY DỰNG MÔ HÌNH CANH TÁC LÚA GIẢM PHÁT
THẢI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG
NGUYÊN LIỆU LÚA GẠO XUẤT KHẨU
CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



VỤ ĐX 2024-2025





CTY LƯƠNG THỰC A AN







STT	Chỉ tiêu	MRL		AAN/GT-HLOI/DS1/MS52 Lê Tấn An 9,5 ha
		EU	Nhật	
1	Fenitrothion	0,0500	0,200	Không phát hiện
2	Flusilazole	0,0100		Không phát hiện
3	Flutriafol	0,0100		Không phát hiện
4	Hexaconazole	0,0100	0,0100*	Không phát hiện
5	Tebuconazole	1,500	0,0500	<0.001
6	Acetamiprid	0,0100	0,0100*	Không phát hiện
7	Azoxystrobin	5,00	0,200	0.011
8	Difenoconazole	3,00	0,200	0.0040
9	Isoprothiolane	6,00	7,00	0.012
10	Paclobutrazol	0,0100	0,0200	Không phát hiện
11	Chlormequat	0,0100		Không phát hiện
12	Chlorpyrifos	0,0100		Không phát hiện
13	Chlorpyrifos (-methyl)	0,0100	0,100	Không phát hiện
14	Fluopyram	0,0200	2,00	Không phát hiện
15	Fenoxanil	0,0100*	1,00	Không phát hiện
16	Thiamethoxam	0,0100	0,300	Không phát hiện
17	Propineb	0,0500		0.010
18	Dithiocarbamates (dithiocarbamates expressed as CS2, including maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram and ziram)	0,0500	0,300	Không phát hiện
19	2,6 Diisopropyl naphthalene		0,0100*	Không phát hiện
20	Fosetyl-Al	2,00	0,500	0.020
21	Imidacloprid	0,0100	1,00	Không phát hiện
22	Lambda-cyhalothrin	0,200	0,500	Không phát hiện
23	Propiconazole	0,0100	0,100	Không phát hiện
24	Pirimiphos-methyl	0,500	0,200	Không phát hiện
25	Tricyclazole	0,0100	3,00	0.0015
26	Metalaxyl and metalaxyl - M	0,0100		Không phát hiện
27	Mefenoxam (repeated/see metalaxyl and mefenoxam)		0,100	Không phát hiện
28	Picoxystrobin (F)	0,0100		Không phát hiện
29	Carbendazim and benomyl (sum of benomyl and carbendazim expressed as carbendazim)	0,0100	1,00	Không phát hiện
KẾT LUẬN				Đạt EU và Nhật





GAO CHẤT LƯỢNG CAO VÀ PHÁT THẢI THẤP

- Giống: ĐS1
- Vùng canh tác: HTX Vinacam, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang
- Mùa vụ: Hè Thu 2025
- Diện tích: 50 ha
- Năng suất: 8,5 Tấn/ha
- Giảm 38% CO₂ so với canh tác thông thường
- Đơn vị thực hiện mô hình: Trung tâm Khuyến nông An Giang
- Đơn vị phụ trách MRV: Viện Môi trường Nông nghiệp
- Đơn vị phối hợp: Bình Điền, Lúa GPT, Vinarice, Bayer, Sài Gòn Kim Hồng, Phan Tấn
- Đơn vị quản lý: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
- Đơn vị liên kết tiêu thụ: Công ty cổ phần lương thực A An

Xin cảm ơn!

Tất cả vì 1 triệu ha lúa QLC&PTT

